

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HS-ST.

Ngày: 04 - 7 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê.

Ông Nguyễn Đức Kha.

- T3 ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - T3 ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2021/TLST- HS ngày 05/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HS ngày 13/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/HSST- QĐ ngày 02/6/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quốc Q**, sinh năm 1981; tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Số nhà 40, đường V, phường T thành phố B, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hoá: 8/12.

Bố: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1946.

Mẹ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1948.

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ tư.

Vợ: Phạm Thị T1, sinh năm 1981.

Có 04 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số: 181/HSST ngày 07/11/2008 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 35 tháng 16 ngày về tội “Hủy hoại tài sản”.

- Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/HSST ngày 26/11/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Tổng hợp với 20 tháng tù tại Bản án số 181 ngày 07/11/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, buộc Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 08 năm 08 tháng tù; chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2020.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến ngày 21/10/2021, được hủy bỏ biện pháp tạm giam. Bắt tạm giam lại lần 2 ngày 02/6/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Q:** Ông Hà Đình Tú - Luật sư, Công ty luật TNHH Thiên Quang - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Long Trì, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

***Người bị hại:** Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 11, đường N, tổ C, phường T, thành phố B, tỉnh B.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà NLQ, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 11, đường N, tổ C, phường T, thành phố B, tỉnh B.

2. Chị NLQ1, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 40, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh B.

3. Chị NLQ2, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 103, phố K, xã P, huyện L, tỉnh B.

4. Anh NLQ3, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 9, ngõ 134, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh B.

5. Anh NLQ4, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 313, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh B.

6. Anh NLQ5, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 01, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh B.

7. Anh NLQ6, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

8. Anh NLQ7, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 64, đường V, phường V, thành phố B, tỉnh B.

9. Anh Hoàng NLQ8, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 11, đường N, tổ C, phường T, thành phố B, tỉnh B.

10. Cháu NLQ9, sinh năm 2007 (Vắng mặt).

Do Chị NLQ1 đại diện hợp pháp (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 40, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh B.

*** Người làm chứng:**

1. Anh NLC, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 09, ngõ 108, đường L, tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh B.

2. Anh NLC1, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 63, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, NLQ2, sinh năm 1989 trú tại phố K, xã P, huyện L, tỉnh B và Hoàng NLQ8, sinh năm 1992 trú tại số nhà 11, đường N, phường T, thành phố B làm việc cùng hệ thống Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đội (MB) - Chi nhánh Bắc Giang nên quen biết nhau. Từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2020, anh NLQ8 nhiều lần vay tiền của T3 với tổng số tiền 1.730.000.000 đồng dùng để đáo hạn ngân hàng cho khách nhưng chưa trả lại tiền vay cho chị T3. Do anh NLQ8 không trả được tiền vay nên chị T3 làm đơn tố giác đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang. Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1964 - Hiệu phó Trường Cao đẳng sư phạm Ngô Gia Tự Bắc Giang (Là bố đẻ anh NLQ8) trả chị T3 100.000.000 đồng giúp anh NLQ8. Tháng 12/2020, Cơ quan điều tra ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc nêu trên. Sau đó, chị T3 nhiều lần đến nhà anh NLQ8 yêu cầu trả nợ nhưng anh NLQ8 không có tiền trả.

Do mối quan hệ xã hội, chị T3 có quen biết NLQ3, sinh năm 1986 trú tại số 9, ngõ 134, đường L, phường L, thành phố B. Ngày 16/12/2020, chị T3 kể lại cho NLQ3 biết việc anh NLQ8 vay tiền và đang nợ 1.730.000.000 đồng nhưng không trả, chị T3 đến đòi nợ thì bị gia đình anh NLQ8 đuổi ra khỏi nhà. Chị T3 nhờ NLQ3 đi cùng đến nhà anh NLQ8 để đòi nợ, đồng thời gửi tin nhắn qua Zalo ảnh chụp hình ảnh “Giấy biên nhận cầm hộ tiền” (nội dung thể hiện anh NLQ8 đã nhận của chị T3 1.730.000.000 đồng), ảnh chụp chân dung anh NLQ8 và hình ảnh căn nhà gia đình anh NLQ8 cho NLQ3 biết. NLQ3 đồng ý và nhờ Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1981 trú tại tổ dân phố 1A, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang cùng đến nhà anh NLQ8 để đòi nợ giúp chị T3. NLQ3 gửi tin nhắn qua Facebook nội dung tin nhắn hình ảnh anh NLQ8, ảnh chụp “Giấy biên nhận cầm hộ tiền” đã nhận của chị T3 cho Q biết.

Buổi tối ngày 22/12/2020, chị T3 cùng NLQ3, Q đi 02 xe ô tô đến nhà anh NLQ8 đòi nợ. Khi đi, Q rủ thêm NLQ4, sinh năm 1990 trú tại số 313, đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang đi cùng. Tại nhà ông T2 thì chị T3

yêu cầu anh NLQ8 trả nợ nhưng anh NLQ8 không có tiền trả, ông T2 không hứa hẹn gì với chị T3 về việc trả nợ giúp anh NLQ8. Nhóm Q to tiếng yêu cầu trả nợ nên ông T2 điện thoại báo cho Công an phường Thọ Xương đến lập biên bản và nhắc nhở nhóm của Q. Sau đó cả nhóm của Q ra về.

Theo NLQ3 khai vào ngày 23/12/2020, Q gọi điện báo NLQ3 thông tin cho chị T3 để chị T3 chuyển 30.000.000 đồng cho Q lấy chi phí đi đòi nợ. NLQ3 gọi điện thông báo cho chị T3 biết. Chị T3 đã hai lần chuyển tổng số 30.000.000 đồng cho NLQ3 vào tài khoản số 0731000678843 tại Ngân hàng ngoại T3ong vào các ngày 23 và 29/12/2020. Sau đó, NLQ3 đã giao cho Q 30.000.000 đồng nhận của chị T3 thông qua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng mang tên NLQ7, NLQ1 và trực tiếp đưa cho con gái Q là NLQ9 theo yêu cầu của Q. Đến chiều ngày 29/12/2020, Q, NLQ3 và chị T3 thống nhất hôm sau sẽ cùng đến nhà anh NLQ8 đòi nợ.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/12/2020, Q điều khiển xe ô tô BKS 30A-777.95 chở NLQ3 và NLQ5, sinh năm 2001 trú tại số 01, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang cùng đến nhà anh NLQ8, còn T3 nhờ bạn là NLQ6, sinh năm 1988 trú tại phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương điều khiển xe ô tô BKS 34A-288.89 đưa đi. Khi đến nhà anh NLQ8, nhóm Q vào phòng khách gặp ông T2 và vợ ông T2 là bà NLQ, còn anh NLQ8 đang trông con nhỏ trên tầng hai. Chị T3 yêu cầu ông T2 có trách nhiệm trả nợ nhưng ông T2 không đồng ý và đề nghị khi nào anh NLQ8 đòi được nợ từ người khác sẽ trả tiền, đồng thời lấy điện thoại Samsung ra để ở bàn uống nước để ghi âm nội dung sự việc.

Cùng thời gian này, NLQ4 biết Q đã uống rượu trước đó nên đi xe ô tô tắc xi đến nhà ông T2 để xem tình hình của Q. Lúc này, Q nhiều lần có lời nói chửi bới, đe dọa ông T2 bắt phải trả tiền. Ông T2 nói với Q khi nào anh NLQ8 đòi được nợ sẽ trả sau đó tính toán trả dần, Q tiếp tục có nhiều lời nói lăng mạ, đe dọa uy hiếp ông T2 yêu cầu trả nợ, đồng thời cởi quần để lộ dương vật và nhổ nước bọt về phía ông T2. Lúc này, bà Hải ngồi ở chân cầu thang thấy vậy nên đi ra đuổi nhóm của Q ra khỏi nhà. Q tiếp tục yêu cầu ông T2 trả tiền và chửi bới, đe dọa ngày mai sẽ đặt băng dôn và vòng hoa ghi tên ông T2 đặt tại cổng Trường Cao đẳng sư phạm Ngô Gia Tự để uy hiếp bắt ông T2 phải trả nợ số tiền 1.630.000.000 đồng. Do bị Q đe dọa uy hiếp đòi nợ, ông T2 đã điện báo cho cơ quan Công an đến làm việc. Khi Q đang đe dọa, uy hiếp ông T2 phải trả nợ thì tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đến yêu cầu Q và những người liên quan về trụ sở làm việc.

Cùng ngày, ông Hoàng Văn T2 có đơn trình báo và giao nộp 01 đĩa DVD lưu trữ 02 (hai) File ghi âm nội dung hội thoại sự việc bị Q uy hiếp, đe dọa việc trả nợ.

Ngày 31/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Quốc Q, thu giữ: 01 điện thoại Iphone X. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Q nhưng không thu giữ gì. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ 01 điện thoại Iphone của NLQ2; 01 điện thoại Iphone 7 của NLQ3; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 BKS 30A-777.95 của Q và 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe BKS 34A-288.89 của anh NLQ6.

Kiểm tra dữ liệu điện thoại thu giữ của Nguyễn Quốc Q, NLQ3 và NLQ2 phát hiện trong điện thoại đều có lưu số điện thoại của nhau; trong điện thoại của Q và T3 có lưu nội dung tin nhắn hình ảnh “Giấy biên nhận cầm tiền hộ” T3 gửi cho NLQ3 sau đó NLQ3 gửi cho Q, tin nhắn T3 trao đổi với NLQ3, NLQ3 nhắn tin trao đổi với Q việc giúp T3 đòi nợ.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định để xác định nội dung hội thoại trong các file ghi âm do người bị hại giao nộp.

Ngày 31/01/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có Kết luận giám định số 213 với nội dung có nhiều lời nói lăng mạ, đe dọa uy hiếp của Nguyễn Quốc Q đối với bị hại để đòi nợ.

Kết luận giám định số 2928/C09-P6 ngày 22/4/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: *Không phát hiện dấu vết cắt ghép chỉnh sửa nội dung trong các file mẫu cần giám định.*

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo Q, NLQ3, NLQ2, NLQ4, NLQ6 và NLQ5 nghe nội dung hội thoại và xác định giọng nói trong các file ghi âm do người bị hại giao nộp sau khi giám định nội dung hội thoại. Bị cáo Q thừa nhận người có hành vi chửi bới, lăng mạ, đe dọa uy hiếp ông T2 là giọng của Q; NLQ3, T3, NLQ4, NLQ6 và NLQ5 đều xác định người có lời nói lăng mạ, đe dọa ông T2 là giọng của bị cáo Q.

Cơ quan điều tra đã cho ông T2 nhận dạng bị can Q qua ảnh; cho anh NLQ8 nhận dạng ảnh chụp nội dung tin nhắn thu giữ trong điện thoại Iphone của bị cáo Q. Kết quả ông T2 xác định bị cáo Q đã lăng mạ, đe dọa uy hiếp ông T2 đòi nợ, còn những người khác không có hành vi lăng mạ, đe dọa ông T2; anh NLQ8 nhận dạng xác định ảnh chụp nội dung tin nhắn là anh NLQ8, giấy biên nhận vay nợ anh NLQ8 viết cho T3 và ảnh chụp ngôi nhà anh NLQ8 đang ở.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Quốc Q thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Q chửi bới, đe dọa, uy hiếp ông T2 mục đích để ông T2 trả nợ cho T3. Sau đó Q khai cùng T3 đến nhà ông T2 không nhằm mục đích đòi nợ. Q có nhận của NLQ3 số tiền 30.000.000 đồng nhưng là tiền NLQ3 trả nợ, Q không thỏa thuận gì với

T3 và NLQ3 về việc đòi nợ cho T3 để lấy tiền công. Cơ quan điều tra đã đối chất giữa bị cáo Q và NLQ3 song các bên giữ nguyên lời khai.

Về chiếc xe ô tô BKS 30A-777.95 qua điều tra xác định là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Q. Chị NLQ1 (vợ bị cáo Q) không biết việc Q sử dụng làm phương tiện đi phạm tội nên ngày 22/01/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô cho chị Thảo.

Đối với xe ô tô BKS 34A-288.89 của anh NLQ6. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 07/01/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh NLQ6.

Về trách nhiệm dân sự: Chị NLQ1 (vợ bị cáo Q) đã nộp 55.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang để bồi T3ờng khắc phục hậu quả. Người bị hại ông Hoàng Văn T2 không yêu cầu về bồi T3ờng về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q.

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKS - P2 ngày 09/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Quốc Q về tội “ Cưỡng đoạt tài sản” điểm a khoản 4 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo Nguyễn Quốc Q đã khai nhận một phần hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua thẩm vấn tại phiên toà, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 38 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Q từ 07 đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (02/6/2022), nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến ngày 21/10/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu sung công của bị cáo Nguyễn Quốc Q 01 điện thoại Iphon X màu đen.

- Hoàn trả chị NLQ2 01 chiếc điện thoại Iphone màu vàng.

(Các vật chứng đã được niêm phong chuyển đến Cục THADS tỉnh Bắc Giang).

- Hoàn trả cho chị NLQ1 số tiền 55.000.000 đồng nộp tại Cục THADS tỉnh Bắc Giang.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc Q phải chịu án phí HSST theo quy định.

Luật sư Hà Đình Tú bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Q phát biểu luận cứ: Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quốc Q về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 170 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau đây đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Q mục đích là đe dọa anh Hoàng NLQ8 trả nợ cho chị NLQ2. Nguyên nhân là do trước đó anh NLQ8 có vay của chị T3 số tiền 1.730.000.000 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng còn nợ lại 1.630.000.000 đồng. Do nể nang nên bị cáo đi cùng anh NLQ3 và chị NLQ2 đến gia đình anh NLQ8 để đòi nợ. Hoàn cảnh gia đình bị cáo Nguyễn Quốc Q rất khó khăn, bản thân bị cáo mắc bệnh xã hội hiện đang điều trị. Bị cáo phạm tội chưa đạt, hậu quả chưa xảy ra, bị cáo không biết số tiền mà anh NLQ8 còn nợ chị T3 là bao nhiêu. Bị cáo Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi T3ờng khắc phục hậu quả, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đó là người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của mình theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án là 05 năm tù..

Bị cáo Nguyễn Quốc Q nhất trí như lời bào chữa của Luật sư không tranh luận gì thêm.

Người bị hại: Ông Hoàng Văn T2 không có ý kiến tranh luận gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị NLQ1 không có ý kiến tranh luận gì.

Kiểm sát viên đối đáp: Về ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Q đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của mình theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Thời điểm bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị nhiễm HIV nhưng loại bệnh này không làm mất khả năng nhận thức của bị cáo. Mặt khác bị cáo vẫn đi lại lái xe ô tô đến nhà bị hại có lời nói và hành động đe dọa gia đình bị hại phải T2 toán trả tiền cho chị T3. Về hình phạt Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo 05 năm tù Viện kiểm sát thấy căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Q từ 07 đến 08 năm tù là đã được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và tương xứng với hành

vi phạm tội của bị cáo nên không thể chấp nhận đề nghị của Luật sư đề xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù được..

Các bên không ai tranh luận gì thêm, vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Quốc Q: Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đang phải điều trị bệnh và nuôi dưỡng 04 con còn nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Hội đồng xét xử thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nhân chứng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nhân chứng theo khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc Q đã thừa nhận một phần hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Do có mâu thuẫn trong việc vay nợ 1.730.000.000 đồng giữa NLQ2 và anh Hoàng NLQ8 nhưng anh NLQ8 mới trả được T3 100.000.000 đồng; T3 đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh NLQ8 không có tiền trả. Thông qua NLQ3, T3 nhờ Nguyễn Quốc Q và NLQ3 đến nhà anh NLQ8 để đòi nợ.

Ngày 22/12/2020, T3 cùng Q, NLQ3 đến nhà anh NLQ8 đòi nợ nhưng anh NLQ8 không có tiền trả. Q có to tiếng nên ông Hoàng Văn T2 là bố anh NLQ8 đã báo Công an phường Thọ Xương đến lập biên bản sự việc.

Ngày 30/12/2020, nhóm của Q tiếp tục đến nhà anh NLQ8 đòi nợ. Q yêu cầu ông T2 trả nợ thay cho anh NLQ8 nhưng ông T2 không đồng ý. Q đã có hành vi dùng nhiều lời nói đe dọa, chửi bới, thách thức, uy hiếp tinh thần ông T2 mục đích buộc

ông T2 phải trả số tiền 1.630.000.000 đồng mà anh NLQ8 nợ cho T3. Khi Q đang có hành vi đe dọa ép ông T2 trả tiền thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đến làm việc và bắt giữ.

Bản Cáo trạng số: 44/CT-VKS - P2 ngày 09/6/2021 và bản luận tội của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố và luận tội bị cáo Nguyễn Quốc Q về tội “Cưỡng đoạt tài sản” điểm a khoản 4 Điều 170 của Bộ luật hình sự; là đúng người, đúng tội và không oan đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc Q là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội, bị dư luận và quần chúng nhân dân đặc biệt lên án. Vì vậy, việc xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo là cần thiết.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Quốc Q thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Nguyễn Quốc Q có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo Nguyễn Quốc Q có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; gia đình đã nộp tiền tại Cục thi hành án dân sự để bồi T3 ông khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại điểm b, điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc Q đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và phải buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành con người biết tuân thủ pháp luật và là công dân có ích cho xã hội và phục vụ cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Quốc Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Quốc Q nhận của chị NLQ2 do anh NLQ3 chuyển vào tài khoản của chị NLQ1 (Là vợ của bị cáo Q) và đưa cho

cháu NLQ9 (Là con gái của bị cáo Q). Hội đồng xét xử thấy đây là tiền công mà chỉ T3 bỏ ra nhờ bị cáo Q đi đòi nợ hộ, xét thấy đây là tiền bị cáo Q có được là do thu lợi bất chính mà có cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung công quỹ nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Quốc Q đang bị bệnh tật, kinh tế hiện tại khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Q đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của mình theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy là không có căn cứ nên không thể chấp nhận đề nghị này của Luật sư được. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo 05 năm tù, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên mức hình phạt mà Luật sư đề nghị áp dụng cho bị cáo là thấp không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát cũng như Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Quốc Q thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tội phạm có cấu thành hình thức, cho nên thời điểm hoàn thành của tội phạm được xác định từ khi có những hành vi như trên, dấu hiệu của tội phạm không phải là dấu hiệu bắt buộc, nên không có căn cứ để áp dụng cho bị cáo Nguyễn Quốc Q tình tiết phạm tội chưa đạt được.

[5] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đối với NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ5 cũng như lời khai NLQ2 không thừa nhận việc T3 thuê các đối tượng đến nhà anh NLQ8 đòi nợ. T3 khai không chỉ đạo Q và các đối tượng đi cùng thực hiện hành vi chửi bới, đe dọa, gây sức ép đối với ông T2 và gia đình ông T2 để đòi nợ; NLQ3, NLQ4, NLQ6 và NLQ5 đều khai không có việc bàn bạc, thỏa thuận với Q về việc đe dọa, uy hiếp ông T2 để đòi nợ. Cơ quan điều tra kết luận việc Q đe dọa, uy hiếp ông T2 đòi nợ là hành vi vượt quá của cá nhân Q; những người khác không có lời nói, hành động uy hiếp ông T2 nên chưa đủ căn cứ để xử lý các đối tượng trên với vai trò đồng phạm, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ nên không xem xét.

Trong vụ án này, NLQ3 có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với NLQ3 và đối tượng liên

quan để xử lý trong vụ án khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị NLQ1 đã nộp 55.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang để bồi T3ờng khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa người bị hại là ông Hoàng Văn T2 không yêu cầu bồi T3ờng về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q. Xét thấy số tiền này là của vợ chồng bị cáo Q do bị cáo tác động cho chị Thảo tự nguyện nộp để bồi T3ờng danh dự, nhân phẩm cho ông T2, nhưng ông T2 không yêu cầu gì về bồi T3ờng, do vậy Hội đồng xét xử sẽ tuyên trả lại số tiền trên cho chị NLQ1 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Quốc Q 01 điện thoại di động Iphone x, được niêm phong trong một phong bì T3 dán kín, trên phong bì có chữ ký của ông Hà Đình Tú - Luật sư, ông Thân Thế T2 - Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang và bị cáo Nguyễn Quốc Q. Hội đồng xét xử thấy chiếc điện thoại này bị cáo Q sử dụng vào mục đích phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Chị NLQ2 tự nguyện nộp 01 điện thoại di động Iphone, để phục vụ cho công tác điều tra, được niêm phong trong một phong bì T3 dán kín, trên phong bì có chữ ký của chị NLQ2, ông Thân Thế T2 - Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang và ông Nguyễn T2 NLQ8. Hội đồng xét xử thấy chiếc điện thoại này là tài sản của chị T3 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho chị T3.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T3ờng vụ Quốc Hội, bị cáo Nguyễn Quốc Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 170; điểm b, điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Q 08 (Tám) năm tù về tội “ Cưỡng đoạt tài sản”.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam lần 02 ngày

02/6/2022; được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam lần 01 từ ngày 31/12/2020 đến ngày 21/10/2021.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc Q phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền do thu lợi bất chính mà có, sung công quỹ nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Không đặt ra giải quyết.

Trả lại chị NLQ1 số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) tại biên lai thu số AA/2012/01910 ngày 21/01/2021, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước của bị cáo Nguyễn Quốc Q 01 điện thoại di động Iphone x, được niêm phong trong một phong bì T3 dán kín, trên phong bì có chữ ký của ông Hà Đình Tú - Luật sư, ông Thân Thế T2 - Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang và bị cáo Nguyễn Quốc Q.

Trả lại chị NLQ2 tự nguyện nộp 01 điện thoại di động Iphone, được niêm phong trong một phong bì T3 dán kín, trên phong bì có chữ ký của chị NLQ2, ông Thân Thế T2 - Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang và ông Nguyễn T2 NLQ8.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2021 giữa Phòng CSTHAHS và HTTP Công an tỉnh Bắc Giang với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T3ờng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Quốc Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thi hành án;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS,THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Gia Lương